

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-5-2020
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hùng

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử số 218/TB-TA ngày 10/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kh**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 4 - thôn Đ, xã L, huyện HĐ, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Mai S**, sinh năm 1981.

HKTT: Xóm 4 - thôn Đ, xã L, huyện HĐ, thành phố H.

Tạm trú: Khu D, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kh trình bày:* Chị và anh Hoàng Mai S tự nguyện chung sống vào năm 2009, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện HĐ, thành phố H.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhiều lần mắng chửi và đánh đập chị, gia đình hai bên có khuyên can nhưng anh S không sửa đổi. Đến tháng 7 năm 2017 anh S dùng gỏi trúc đánh vào tay và lưng chị, chị phải nhờ bố mẹ để sang nói chuyện với gia đình anh S xin cho chị về nhà cha mẹ chị sống, từ đó vợ chồng ly thân nhau. Từ tháng 4/2018, anh S vào Miền Nam làm ăn cho đến nay.

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh S vì tình cảm vợ chồng không còn, anh S gây cho chị nhiều ức chế và ám ảnh tâm lý.

- Con chung: có 02 cháu là Hoàng Quốc D - sinh ngày 11/8/2010 và Hoàng Quốc Th - sinh ngày 01/02/2014. Từ tháng 7/2017 đến nay chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nay chị xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Do bận công việc nên chị xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Hoàng Mai S trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Kh tự nguyện chung sống vào năm 2009, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện HĐ, thành phố H và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ghen tuông nên anh và vợ có xảy ra xô xát. Đến tháng 4 năm 2018 anh vào Miền Nam để làm ăn, từ đó đến nay anh chưa lần nào về nhà. Nay chị Kh yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh chưa chuẩn bị được tinh thần, tư tưởng để có được quyết định chính xác. Anh yêu cầu Tòa án lùi việc xét xử ly hôn đến tháng 6/2020 để anh có đủ thời gian và điều kiện quyết định.

- Con chung: có 02 cháu là Hoàng Quốc D - sinh ngày 11/8/2010 và Hoàng Quốc Th - sinh ngày 01/02/2014. Nếu ly hôn, như đã trình bày hiện tại anh chưa chuẩn bị được tinh thần, tư tưởng để xác định.

- Tài sản chung và nợ chung: Hiện tại anh chưa chuẩn bị được tinh thần, tư tưởng để xác định vấn đề này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Kh và anh S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2010, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Chị Kh và anh S có 02 con chung là Hoàng Quốc D - sinh ngày 11/8/2010 và Hoàng Quốc Th- sinh ngày 01/02/2014. Nay chị Kh xin ly hôn anh S, xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Kh và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kh có yêu cầu vắng mặt, anh Hoàng Mai S đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kh yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hoàng Mai S. Khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 03/5/2019 thì anh S đăng ký tạm trú và sinh sống tại khu D, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án (tính đến tháng 3/2020) thì anh S vẫn tạm trú và sinh sống tại khu D, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 16/3/2020 anh S gửi đơn yêu cầu bảo lưu hồ sơ với lý do hiện nay anh đã chuyển địa bàn sinh sống và làm việc đến tỉnh BR-VT, đề nghị chờ anh ổn định chỗ ở mới sẽ làm thủ tục chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân nơi anh S sinh sống. Xét thấy, yêu cầu của anh S là không phù hợp bởi lẽ căn cứ vào khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì *“Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết đúng quy định của bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự”*. Từ nhận định nêu trên, Tòa án nhân dân huyện N tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

- Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kh, bị đơn là anh Hoàng Mai S.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kh chung sống với anh Hoàng Mai S vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, năm 2010 anh chị đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện HĐ, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2010 ngày 28/9/2010. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Kh cương quyết xin ly hôn, anh S không đồng ý.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Chị Kh và anh S đều thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh S thường ghen tuông nên vợ chồng bất hòa, xô xát. Chị Kh khai vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017, còn anh S khai từ tháng 4/2018 anh vào Miền nam làm ăn, sinh sống cho đến nay chưa về quê. Việc anh S khai còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn là không có căn cứ bởi lẽ, từ tháng 4/2018 anh S và chị Kh sống ly thân, không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ lần nào. Ngày 3/4/2019 anh S yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án ly hôn đến Tòa án huyện N để giải quyết (bút lục 03), đến ngày 16/3/2020 anh S tiếp tục gửi đơn yêu cầu bảo lưu hồ sơ chờ chuyển đến địa chỉ mới. Từ đó thể hiện anh S không mong muốn đoàn tụ mà cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gây khó khăn cho chị Kh.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Kh với anh S đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Kh được ly hôn anh S là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: có 02 cháu là Hoàng Quốc D - sinh ngày 11/8/2010 và Hoàng Quốc Th - sinh ngày 01/02/2014. Từ khi chị Kh và anh S sống ly thân nhau thì chị Kh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung, nay chị Kh xin được nuôi 02 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy cần giao cháu D và cháu Th cho chị Kh nuôi dưỡng là phù hợp.

[5]. Tài sản chung: Chị Kh không tranh chấp, anh S không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: chị Kh khai không có, anh S cũng không có yêu cầu gì nên không xét.

[7]. Về án phí: Chị Kh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000; các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kh về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Hoàng Mai S.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Kh được ly hôn anh Hoàng Mai S.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hoàng Quốc D - sinh ngày 11/8/2010 và Hoàng Quốc Th - sinh ngày 01/02/2014 cho chị Kh nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000595 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị Kh đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Kh, anh Hoàng Mai S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai